

7. KHOA ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG

I. CÁC KẾT QUẢ KHẢO SÁT LIÊN QUAN ĐẾN ĐƠN VỊ

1. Về hoạt động khảo sát

- **Đối tượng khảo sát:** Sinh viên đánh giá môn học, giảng viên; Sinh viên năm cuối; Cựu sinh viên; Giảng viên giảng dạy các CTĐT của khoa; Doanh nghiệp.
- **Đơn vị thực hiện khảo sát:** Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
- **Đơn vị tổng hợp kết quả khảo sát:** Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng

2. Tóm tắt các kết quả khảo sát

a) Đánh giá của giảng viên Về chương trình đào tạo (CTĐT)

STT	Nội dung khảo sát	Khoa ĐTVT	
		Tỉ lệ hài lòng (%)	ĐTB
1	Về chương trình đào tạo (CTĐT)	88.24	4.18
2	Về CDR của CTĐT	88.24	4.12
3	Về chất lượng đào tạo của trường	76.47	3.82
4	Về cơ sở vật chất (CSVC) phục vụ dạy và học	58.82	3.35
5	Về công tác thư viện	70.59	3.82
6	Về công tác tổ chức đào tạo	94.12	4.12
7	Về công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng (ĐBCL)	94.12	4.24
8	Về công tác nghiên cứu khoa học (NCKH)	82.35	4
9	Về công tác đối ngoại	76.47	3.94
10	Về công tác kết nối và phục vụ cộng đồng	70.59	3.71
11	Về công tác hành chính cấp trường	76.47	3.88
12	Về công tác hành chính cấp khoa	88.24	4.06

Đánh giá chung của giảng viên Về chương trình đào tạo (CTĐT) của Khoa là 88,24%. Tỉ lệ chung của Trường là 87,13%. Các yếu tố về CDR, công tác tổ chức đào tạo, công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng, công tác hành chính cấp trường, công tác hành chính cấp khoa đều được đánh giá khá cao và cao hơn mức trung bình của Trường.

Các yếu tố về chất lượng đào tạo của trường, công tác thư viện, công tác nghiên cứu khoa học (NCKH), công tác đối ngoại được đánh giá khá cao nhưng thấp hơn mức trung bình của Trường.

Một số yếu tố đánh giá thấp là cơ sở vật chất (CSVC) phục vụ dạy và học và công tác kết nối và phục vụ cộng đồng. Tỉ lệ hài lòng của giảng viên về cơ sở vật chất phục vụ dạy và học của Khoa là 58,82%, trong khi tỉ lệ chung của Trường là 47,01%.

b) Đánh giá của doanh nghiệp về chất lượng đào tạo của Khoa

STT	Nội dung khảo sát	Số phản hồi	Khoa ĐTVT	
			Tỉ lệ hài lòng (%)	ĐTB
1	Về kiến thức chuyên môn	6	100	4
2	Về sự thích ứng với công việc	6	66.67	3.67

3	Về trách nhiệm và sự cầu tiến	6	50	3.5
4	Về sự chấp hành nội quy/quy định	6	83.33	3.83
5	Về kỹ năng sử dụng ngoại ngữ	6	16.67	3.17
6	Về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	6	83.33	3.83
7	Về kỹ năng làm việc nhóm	6	50	3.5
8	Về kỹ năng giải quyết vấn đề	6	33.33	3.33
9	Đánh giá chung về các nhân sự được trường đào tạo	6	83.33	3.83

Tỉ lệ hài lòng của doanh nghiệp về sinh viên do Khoa đào tạo là 100%, tỉ lệ chung của Trường là 91,78%. Một số yếu tố khác của Khoa thấp hơn tỉ lệ của Trường gồm sự thích ứng với công việc, về sự chấp hành nội quy/quy định, về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, đánh giá chung về mức độ hài lòng đối với các nhân sự được trường đào tạo. Tuy nhiên, tỉ lệ hài lòng về những yếu tố này khá cao. Doanh nghiệp đánh giá thấp về kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, về kỹ năng làm việc nhóm, và về kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên do Khoa đào tạo.

c) **Đánh giá của Cựu sinh viên**

- Về tình trạng việc làm của SV sau tốt nghiệp

Ngành	Tổng	Đã có việc làm toàn thời gian		Đang tự tạo việc làm		Đang làm việc bán thời gian		Chưa có việc làm	
		SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %
KTĐTVT	157	139	88.54	2	1.27	2	1.27	14	8.92

- Tổng quan hài lòng của cựu sinh viên về nhà trường sau khi ra trường.

STT	Nội dung đánh giá	Tỉ lệ hài lòng
1	Về các kiến thức được trang bị ở nhà trường	71.34
2	Về các kỹ năng đã được học ở trường	65.61
3	Về kỹ năng sử dụng ngoại ngữ của cá nhân	48.41
4	Về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của cá nhân	77.07
5	Về kỹ năng giải quyết vấn đề của cá nhân	73.25
6	Về kỹ năng làm việc nhóm của cá nhân	73.89
7	Về cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu của trường	52.87
8	Về CDR của trường	70.06
9	Về năng lực và phương pháp giảng dạy của đội ngũ giảng viên	74.52
10	Đánh giá chung về chất lượng đào tạo của trường	73.89
11	Về sự thích ứng giữa chuyên môn được đào tạo với công việc hiện tại	67.13
12	Đánh giá chung về mức độ hài lòng với công việc hiện tại	74.83

Một số yếu tố cựu sinh viên đánh giá cao gồm tình trạng việc làm của SV sau tốt nghiệp. Ví dụ: tỉ lệ có việc làm nhanh cao hơn rõ rệt (91.08% so với 86,90%), và mức độ phù hợp với chuyên môn, ngành được đào tạo. Cựu sinh viên hài lòng về mặt tổng thể và ý định giới thiệu chương trình đều cao hơn trung bình (89,29% so với 77,16%). Điều này cho thấy sinh viên phản ánh tích cực về quá trình học tập tại nhà Trường. Mức độ thích ứng giữa chuyên môn được đào tạo với công việc hiện tại vượt hơn so với mức trung bình của Trường (67,13% và 67,06%). Kết quả cho thấy sinh viên được trang bị nền tảng thực hành và tư duy nghề nghiệp tốt.

d) Đánh giá của SV năm cuối về hoạt động đào tạo của Trường/Khoa

STT	Nội dung khảo sát	Khoa ĐTVT	
		Tỉ lệ (%)	TB
1	Về chương trình đào tạo (CTĐT)	82.47	4.17
2	Về CDR của CTĐT	80.52	4.18
3	Về đội ngũ Giảng viên	84.42	4.27
4	Về cơ sở vật chất (CSVCh) phục vụ dạy và học	69.48	3.9
5	Về công tác thư viện	77.27	4.11
6	Về công tác tổ chức đào tạo	81.82	4.21
7	Về công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng (ĐBCL)	86.36	4.31
8	Về công tác nghiên cứu khoa học (NCKH)	79.87	4.18
9	Về công tác sinh viên	84.42	4.24
10	Về Đoàn hội	74.03	4.05
11	Về chăm sóc y tế, sức khỏe tinh thần	80.52	4.21
12	Về công tác hỗ trợ cấp khoa	81.17	4.2
13	Về kiến thức chuyên môn được nhà trường đào tạo	79.22	4.11
14	Về các kỹ năng được nhà trường đào tạo	80.52	4.14
15	Về các kỹ năng sử dụng ngoại ngữ	70.78	3.98

Kết quả khảo sát cho thấy nhìn chung, sinh viên năm cuối của Khoa Điện tử - Viễn thông đánh giá tích cực về chất lượng đào tạo và các hoạt động hỗ trợ của nhà trường. Các tiêu chí như đội ngũ giảng viên (84.42%), công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng (86.36%) và công tác sinh viên (84.42%) nhận được mức độ hài lòng cao, phản ánh sự tin tưởng của sinh viên đối với chất lượng giảng dạy, tổ chức thi cử cũng như sự hỗ trợ từ nhà trường trong suốt quá trình học tập.

Tuy nhiên, vẫn còn một số mặt cần được cải thiện rõ rệt. Đáng chú ý là cơ sở vật chất phục vụ dạy và học (69.48%) và kỹ năng sử dụng ngoại ngữ (70.78%) có tỉ lệ hài lòng thấp, cho thấy nhu cầu nâng cấp thiết bị học tập, phòng học cũng như tăng cường các chương trình bồi dưỡng ngoại ngữ là rất cần thiết. Bên cạnh đó, hoạt động Đoàn – Hội và công tác thư viện cũng có mức đánh giá trung bình, cho thấy vẫn còn dư địa để cải thiện nhằm nâng cao trải nghiệm học tập và sinh hoạt của sinh viên.

e) Đánh giá độ hài lòng của SV về môn học và giảng viên giảng dạy môn học

- HK2/2023-2024:

TT	Nội dung khảo sát	KTĐTVT		KTĐTVT (DKD)	
		Tỉ lệ (%)	TB	Tỉ lệ (%)	TB
1	Về môn học lý thuyết	86.46	4.44	85.92	4.45
2	Về môn học thực hành	84.18	4.38	84.33	4.41
3	Về GV dạy môn học lý thuyết	86.19	4.43	86.20	4.44
4	Về GV dạy môn học thực hành	83.86	4.36	83.13	4.39
5	Về khả năng đạt CDR của môn học LT	85.37	4.42	84.88	4.43
6	Về khả năng đạt CDR của môn học TH	82.97	4.35	83.13	4.40

- HK3/2023-2024:

TT	Nội dung khảo sát	KT ĐTVT (DKD)	
		Tỉ lệ (%)	TB
1	Về môn học lý thuyết	87.00	4.45
2	Về môn học thực hành	80	4.29
3	Về GV dạy môn học lý thuyết	86.93	4.45
4	Về GV dạy môn học thực hành	79.09	4.27
5	Về khả năng đạt CĐR của môn học LT	87.44	4.46
6	Về khả năng đạt CĐR của môn học TH	79.58	4.28

- HK1/2024-2025:

TT	Nội dung khảo sát	KTĐTVT		KT ĐTVT(DKD)	
		Tỉ lệ (%)	TB	Tỉ lệ (%)	TB
1	Về môn học lý thuyết	89.65	4.54	91.77	4.56
2	Về môn học thực hành	88.53	4.54	93.35	4.61
3	Về GV dạy môn học lý thuyết	89.08	4.54	92.01	4.56
4	Về GV dạy môn học thực hành	88.53	4.53	93.11	4.61
5	Về khả năng đạt CĐR của môn học LT	88.05	4.51	89.98	4.50
6	Về khả năng đạt CĐR của môn học TH	87.47	4.51	91.45	4.55

Cả hai chương trình chính quy (CQ) và chương trình đề án đều được sinh viên đánh giá cao. Tỉ lệ hài lòng cơ bản trên 80% ở tất cả tiêu chí. Điều này cho thấy về tổng thể, sinh viên hài lòng trong việc triển khai các môn học. Cụ thể:

Về GV dạy môn học: Tỉ lệ hài lòng của SV chương trình đề án đối với giảng viên lý thuyết luôn vượt 86%; đối với giảng viên thực hành đạt khoảng 80%. Tỉ lệ hài lòng của SV CQ cũng rất cao đối giảng viên lý thuyết là trên 86% và thực hành là trên 83%.

Về các môn học lý thuyết: Tỉ lệ hài lòng của SV CQ qua các học kỳ lần lượt là 86,46% và 89,65%. SV chương trình đề án có tỉ lệ hài lòng từ 85,92% và lên đến hơn 92% qua các học kỳ.

Về các môn học thực hành: Tỉ lệ hài lòng của SV CQ qua các học kỳ lần lượt là 84,18% và 88,53%. SV chương trình đề án có tỉ lệ hài lòng từ 84,33% và lên đến 93,35% qua các học kỳ.

Về CĐR của môn học: SV CQ có tỉ lệ hài lòng từ 85% đối với các môn lý thuyết và từ 82% với các môn thực hành. SV chương trình đề án có tỉ lệ hài lòng trên 85% đối với các môn lý thuyết và từ 80% đối với các môn thực hành.

3. Tổng hợp kết quả khảo sát và nhận định:

a) Điểm mạnh

- Đa số giảng viên Khoa ĐTVT đánh giá cao CTĐT, đặc biệt là ở các yếu tố khảo thí, đảm bảo chất lượng, tổ chức đào tạo, CĐR, CTĐT.

- Doanh nghiệp hài lòng tuyệt đối (100%) về kiến thức được đào tạo tại Khoa.
- Tỷ lệ cựu sinh viên do Khoa đào tạo có thể tìm được việc làm phù hợp tại các doanh nghiệp rất cao

b) Điểm cần cải thiện

- Khoa cần tiếp tục cải thiện cơ sở vật chất, thư viện, công tác kết nối cộng đồng.
- Khoa cần cải thiện về kỹ năng mềm như ngoại ngữ, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề.

II. KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

1. Kế hoạch đã thực hiện

- Khoa ĐTVT đã tiến hành thay đổi nhỏ trong CTĐT. Thường xuyên rà soát và cập nhật nội dung giảng dạy nhằm đáp ứng CDR phù hợp với ngành nghề và khung trình độ quốc gia.
- Khoa đã có những hoạt động nhằm tăng cường hỗ trợ người học như: Cố vấn học tập và giáo viên chủ nhiệm giúp theo dõi quá trình học tập, hỗ trợ định hướng nghề nghiệp; tư vấn tâm lý, hỗ trợ kỹ năng mềm.
- Bên cạnh đó các hoạt động liên kết doanh nghiệp và thực tập cũng được đẩy mạnh.

2. Kế hoạch dự kiến thực hiện

- Trong thời gian tới, Khoa sẽ cải tiến CTĐT nhằm phù hợp hơn với tình hình thực tiễn hiện nay.
- Khoa sẽ tăng cường tích hợp các kỹ năng vào các môn học và triển khai các chương trình ngoại khóa để nâng cao kỹ năng cho sinh viên đặc biệt là kỹ năng sử dụng ngoại ngữ.

III. CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Nhà Trường tiếp tục đầu tư cho cơ sở vật chất.